



Cập nhật Vĩ mô Việt Nam nửa đầu năm 2026 và Outlook nửa cuối năm

Tổng hợp thông tin chính:

Kinh tế Việt Nam ghi nhận kết quả tăng trưởng tích cực trong nửa đầu năm 2026. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ cả trong và ngoài nước, nền kinh tế vẫn duy trì đà phục hồi vững chắc và kiên định theo đuổi mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026. Cụ thể:

- **Kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong quý II/2026, với GDP tăng 8.39% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm, tăng trưởng GDP đạt 8.18% YoY, tạo nền tảng quan trọng để hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao trong cả năm 2026.**
- Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục là động lực chính của nền kinh tế. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 6 ước tăng 3.5% so với tháng trước và 12.7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12.6%, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 16.6%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8.7%, trong khi ngành khai khoáng tăng 8.8% so với cùng kỳ.
- Tiêu dùng trong nước tiếp tục cải thiện, phản ánh sức cầu nội địa duy trì tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành trong 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 3,889.5 nghìn tỷ đồng, tăng 12.9% so với cùng kỳ năm trước.
- Hoạt động thương mại quốc tế tăng trưởng mạnh, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 549.69 tỷ USD, tăng 27.1% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu tăng 21%, trong khi nhập khẩu tăng 33.4%, đưa cán cân thương mại ghi nhận nhập siêu 16.65 tỷ USD, chủ yếu phản ánh nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất và đầu tư.
- Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tương đối tốt mặc dù chịu áp lực từ biến động giá năng lượng do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Trong tháng 6, CPI đã giảm 0.39% so với tháng trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4.38% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4.12%, cho thấy mặt bằng giá vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Chính phủ.
- Tiến độ giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tính đến 30/6/2026, tổng vốn đầu tư công giải ngân đạt 356,935.1 tỷ đồng, tương đương 35.5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tạo dư địa quan trọng để thúc đẩy các hoạt động xây dựng và đầu tư hạ tầng trong nửa cuối năm.

Dự báo triển vọng nửa cuối năm, chúng tôi không thay đổi kịch bản tăng trưởng kinh tế đưa ra hồi đầu năm với xác suất tăng trưởng vào khoảng 50% đạt mức 10-10.5%, 40% đạt mức 8-8.5% và 10% chỉ đạt mức 6.5- 7%.

Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chính của Việt Nam

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F
GDP và việc làm							
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	8.5
GDP (tỷ USD)	346	370	411	433	476	514	558
GDP bình quân đầu người (USD)	3,558	3,757	4,132	4,316	4,702	5,026	5,453
Nợ công/GDP (%)	43.8	44.7	37.4	36.9	37	36.8	40
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.7	2.5	3.1	2.9	2.8	3.6	5
Tổng dư nợ tín dụng/GDP	115	124	125	133	136	145	160
FDI giải ngân/GDP (%)	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.23
Thương mại							
Cán cân thương mại (tỷ USD)	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20	-10
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	263	333	360	326	381	455	560
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	3.7	26.7	8	-9.2	16.7	19.4	23.1
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	283	336	372	355	406	475	550
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17	15.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	30
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	45
Hoạt động sản xuất & Tiêu dùng							
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	51.5
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	10
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9	9.2	12
Tiền tệ và lãi suất							
Lãi suất điều hành (%)	4	4	6	4.5	4.5	4.5	4.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19	15
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	95	107	85	90	81	83	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	7
Trần lãi suất huy động (<6 tháng, %)	4	4	6	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	1.2	1	4.6	1.9	2.4	3.3	4.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	2	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.4
Tỷ giá & Lạm phát							
Tỷ giá (VND/USD) (cuối năm)	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.5

Nguồn: Tổng cục Thống kê, SBV, Worldbank, IMF, GTHT RS team

CHI TIẾT BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 VÀ TRIỂN VỌNG NỬA CUỐI NĂM

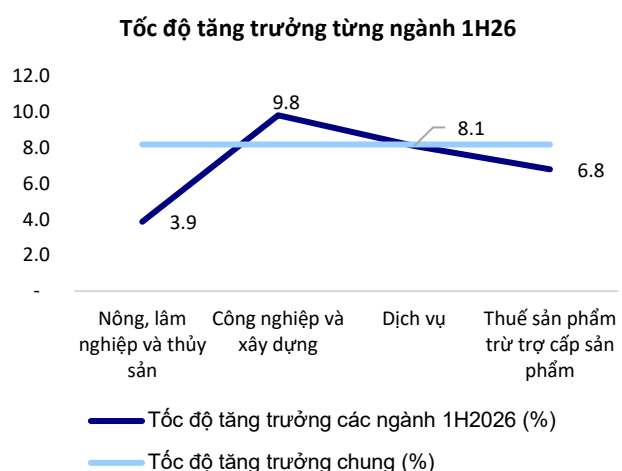
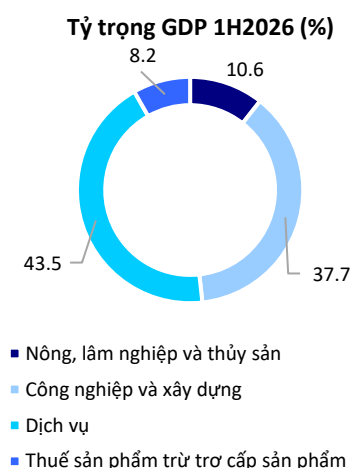
Trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới diễn biến đầy phức tạp, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP quý 2 đạt 8.39%yoy. Lũy kế nửa đầu năm, tốc độ tăng GDP của nước ta đạt 8.18%yoy.

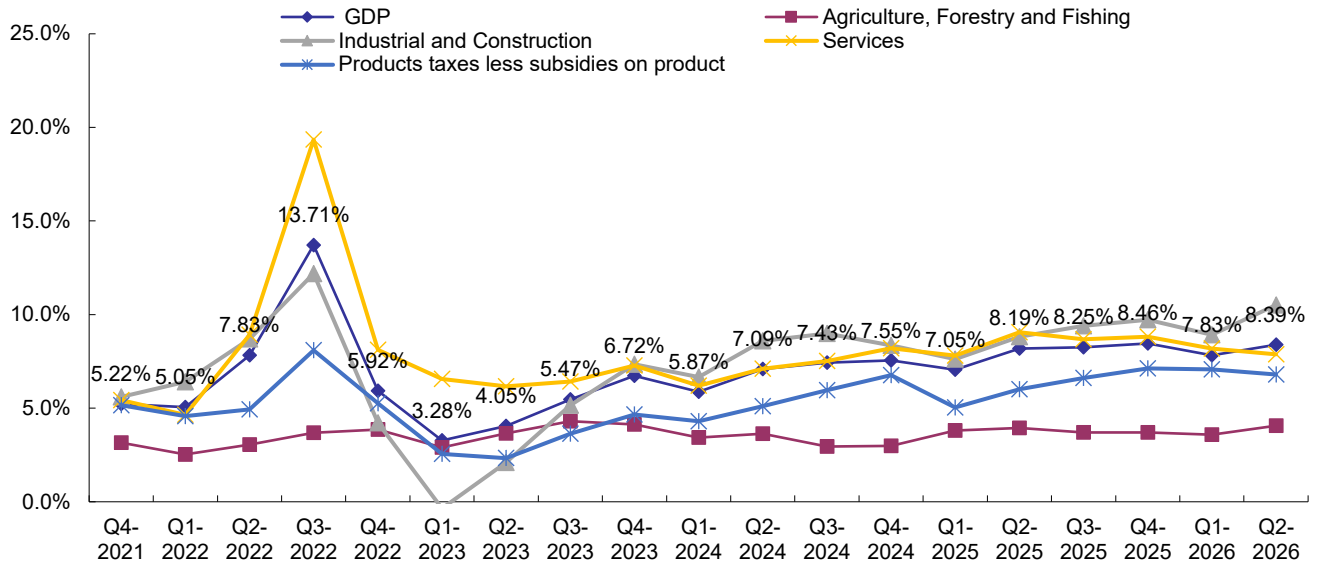
Mức tăng này được đóng góp đồng đều bởi các lĩnh vực trong nền kinh tế. Nổi bật là nhóm ngành công nghiệp và xây dựng tăng 9.8%yoy, trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là trụ cột dẫn đầu với mức tăng 10.23%yoy (đóng góp 33.07% vào tổng giá trị tăng thêm); khu vực dịch vụ tăng 8.09% nhờ nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng cùng chuỗi cung ứng hàng hóa lưu thông ổn định bất chấp tác động của giá dầu (vận tải kho bãi tăng 10.18%, bán buôn bán lẻ tăng 9.67%, dịch vụ lưu trú & ăn uống tăng 8.05%, tài chính & ngân hàng tăng 7.97%).

Đi sâu vào các nhóm ngành, ta thấy trong quý 2 có sự tăng tốc của Nông, lâm nghiệp và thủy sản (3.68% Q1, 4.06% Q2) và Công nghiệp và xây dựng (9.01% Q1, 10.51% Q2). Tuy nhiên nhóm ngành dịch vụ lại giảm tốc (8.33% Q1, 7.87% Q2) còn Thuế và trợ cấp thì duy trì tốc độ chung (7.31% Q1, 7.21% Q2)

Chiếm tới 66.8% của nhóm ngành Công nghiệp và xây dựng trong quý 2 là ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo. Đây tiếp tục là một đầu tàu kinh tế của Việt Nam khi tăng trưởng 10.56% trong quý 2, cao hơn cả mức 9.86% trong quý 1 và đạt trung bình 6 tháng là 10.23%. Đây là kết quả khi Việt Nam đang thu hút được hoạt động sản xuất toàn cầu, với dòng vốn FDI đổ vào mạnh mẽ trong những năm gần đây. Số liệu tăng trưởng sản xuất này cũng phù hợp với việc Sản xuất và tiêu thụ điện tăng mạnh (6.23% quý 1, 12.19% quý 2) hay Vận tải, kho bãi cũng nhộn nhịp hơn (9.03% quý 1, 11.19% quý 2).

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh BĐS trong nhóm ngành Dịch vụ đang đưa ra một dấu hiệu cần chú ý. Dù chỉ chiếm 7% của dịch vụ, ngành này đang tăng trưởng khá chậm trong năm nay, duy trì ở mức 4.64% trong quý 1 và 4.69% trong quý 2. Nhiều doanh nghiệp BĐS đã cho biết họ đang gặp các khó khăn, đặc biệt do lãi suất tăng cao và thanh khoản thị trường sụt giảm năm nay.

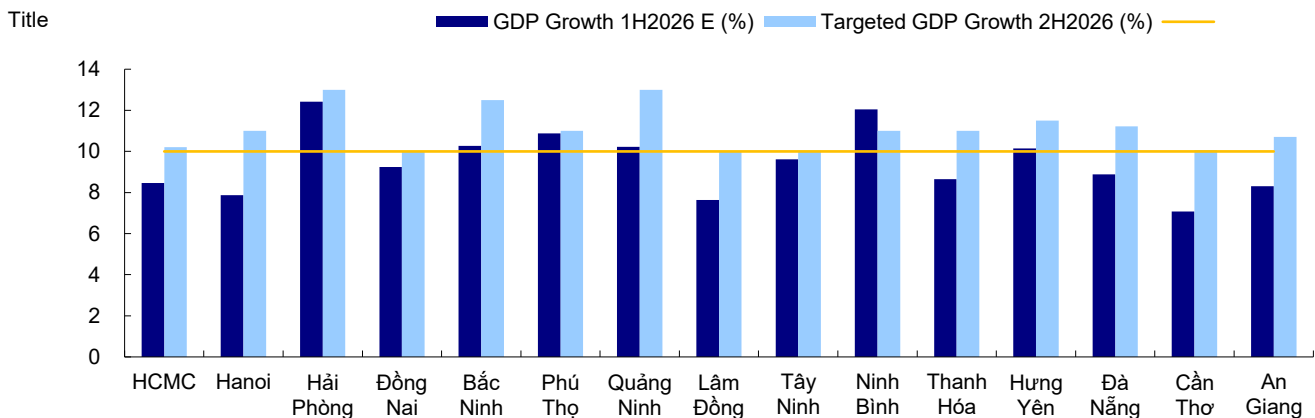




Nguồn: GSO, GTHT Research

Ngay sau khi cuộc xung đột Trung Đông diễn ra, chúng tôi đã cập nhật các kịch bản phát triển kinh tế. Với kết quả đạt được trong quý 2, chúng tôi không thay đổi kịch bản tăng trưởng kinh tế sau điều chỉnh, với xác suất tăng trưởng vào khoảng 50% đạt mức 10-10.5%, 40% đạt mức 8-8.5% và 10% chỉ đạt mức 6.5- 7%.

15 tỉnh/TP đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng GDP- Tăng trưởng GRDP 1H và mục tiêu tăng trưởng 2H để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đạt 10%



Nguồn: Nghị quyết 168, GTHTVN Research

Nội dung nêu tại Nghị quyết 168 ngày 27/6 về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại, nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phần đầu từ 10% trở lên, gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo báo cáo của các bộ, địa phương vào thời điểm cuối tháng 6, dựa vào kết quả đạt được nửa đầu năm 2026, GDP cả năm nay dự kiến tăng 8.7% trên kịch bản cơ sở. Để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm hai con số là 10% do Chính phủ đặt ra, mức tăng GDP 6 tháng cuối năm phải đạt 11.9%. Cũng theo kịch bản này, một số ngành, phân ngành có mục tiêu tăng trưởng cao gồm sản xuất điện (16.9%), xây dựng (17.6%), lưu trú - ăn uống (17.3%).

Tính theo địa bàn, kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm của hai đầu tàu kinh tế TP HCM và Hà Nội lần lượt ở mức 10.2% và 11%, tăng 1.73% và 3.13% so với mức tăng GRDP ước đạt sáu tháng đầu năm. Các tỉnh, thành đạt mục tiêu tăng trưởng cao nửa cuối năm nay còn gồm Hải Phòng và Quảng Ninh (13%), Bắc Ninh (12.5%), Hưng Yên (11.5%), Đà Nẵng (11.22%).

Hiện tại, nhiều địa phương đặc biệt là Hà Nội và Hồ Chí Minh đang thúc đẩy các dự án cơ sở hạ tầng, đơn cử như dự án 5 tuyến Metro với tổng chiều dài khoảng 303 km tại Hà Nội, ước tính cần huy động khoảng 1.3 triệu tỷ đồng (khoảng 55 tỷ USD) hay đường sắt cao tốc Bắc Nam (67 tỷ USD). Mặc dù vậy, điều này đang tạo ra áp lực to lớn lên nhu cầu vốn trong nước, trong bối cảnh thanh khoản không còn dồi dào và nền lãi suất tăng nhanh trong 1 năm vừa qua. Việc Hà Nội cho biết sẽ ưu tiên vốn trong nước và hạn chế các nguồn như ODA đặt ra câu hỏi Thủ đô sẽ giải bài toán về vốn như thế nào.

Kịch bản tăng trưởng kinh tế theo lĩnh vực

Ngành	Kịch bản NQ01	Dự báo của năm theo báo cáo của bộ, địa phương (8.7%)	Kịch bản điều chỉnh theo yêu cầu tăng trưởng 2 con số (10%)	Thay đổi KB điều chỉnh so với NQ01	Kịch bản 6 tháng cuối năm (11.9%)
Tăng trưởng GDP cả năm 2026	10%	8.70%	10%	10%	11.90%
Tăng trưởng GDP theo lĩnh vực					
Nông, lâm, thủy sản	3.70%	4.10%	4.00%	0.30%	4.30%
Công nghiệp, xây dựng	12.00%	11.30%	12.30%	0.30%	14.30%
Dịch vụ	10.00%	7.90%	10.10%	0.10%	12.00%

Nguồn: Nghị quyết 168, GTHTVN Research

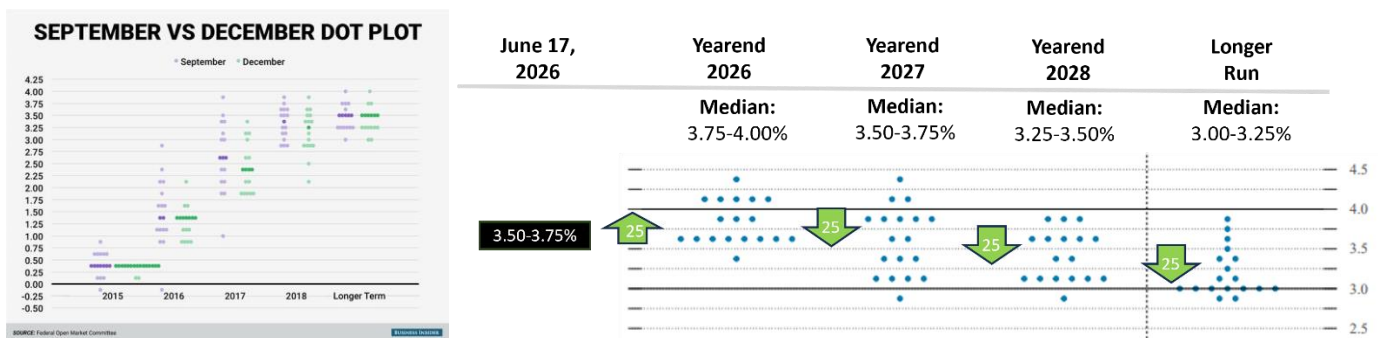
Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng và dịch vụ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch tăng trưởng 2 con số năm 2026.



Bối cảnh vĩ mô quốc tế ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam:

- **Ảnh hưởng chiến sự Trung Đông đến chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Lãi suất toàn cầu higher for longer.**
- **Mỹ tiếp tục tăng cường các rào cản thương mại- ảnh hưởng đến chi phí tuân thủ và hoạt động xuất khẩu đến Mỹ.** Dự kiến, thuế suất 10% đối với hàng hóa từ hầu hết các đối tác thương mại lớn mà ông Trump áp theo Mục 122 sẽ hết hạn vào ngày 24/7. Nhưng sau đó, Washington có thể áp thuế quan mới dựa trên kết quả cuộc điều tra theo Mục 301 liên quan tới các vấn đề dư thừa công suất và lao động cưỡng bức. Theo ông Tianchen Xu, nhà kinh tế cao cấp tại công ty nghiên cứu kinh tế Economist Intelligence Unit (EIU), các doanh nghiệp đang gấp rút vận chuyển hàng hóa sang Mỹ trước khi thuế quan có thể tăng trở lại.

US dot-plot Sep-Dec 2025 & June 2026



Source: June 17, 2026 FOMC Summary of Economic Projections and Bondsavvy calculations

Quý 2 đánh dấu một thời điểm quan trọng của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), với việc cựu Chủ tịch Fed Powell rời chiếc ghế quan trọng nhất của tổ chức này do kết thúc nhiệm kỳ, và ông Kevin Warsh được bổ nhiệm thay thế. Mặc dù không còn là chủ tịch, ông Powell vẫn giữ ghế trong Hội đồng Thống đốc và có ảnh hưởng đến các quyết sách về lãi suất của tổ chức này.

Trong những phát biểu của cuộc họp đầu tiên, ông Warsh đã cho thấy sẽ có những thay đổi trong kỳ điều hành của ông, với việc ông từ chối đưa ra dự báo lãi suất cũng như hạn chế các thông cáo mang tính định hướng về vấn đề này. Mặc dù vậy, các thành viên còn lại của FOMC vẫn đưa ra dự báo của mình như truyền thống.

Hướng đi lãi suất của Mỹ trong thời gian vừa qua đã có nhiều thay đổi, Trong khi đầu năm nay nhiều thành viên FOMC có kỳ vọng cắt giảm lãi suất trong năm, sau khi cuộc chiến tại Trung Đông nổ ra kỳ vọng này đã bị cắt giảm mạnh mẽ. Hiện tại lãi suất được dự báo có thể tăng 0.25% trong năm 2026, với khả năng nâng diễn ra sớm nhất ngay trong kỳ họp tháng 7 này.

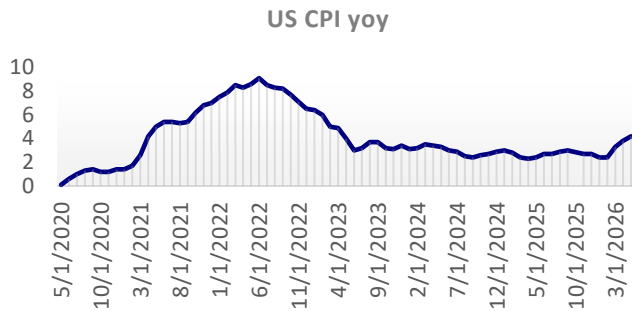
Việc gia tăng lãi suất được nhiều thành viên FOMC cho là cần thiết, khi lạm phát tại Mỹ tiếp tục ở mức cao hơn kỳ vọng 2%, gây khó khăn nghiêm trọng cho người dân cũng như hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Mặc dù vậy, với khối nợ công khổng lồ và nhu cầu đầu tư lớn cho các lĩnh vực mũi nhọn như AI, năng lượng.... có thể nói Fed và FOMC đang đứng trước những quyết định hết sức khó khăn.

Một trong những yếu tố hết sức quan trọng quyết định vấn đề lạm phát là giá nhiên liệu, có liên quan trực tiếp tới chiến sự tại Trung Đông. Sau khi MOU giữa Mỹ và Iran được ký kết, thị trường dầu mỏ đã ổn định trở lại. Tuy nhiên tại những đánh giá ngay ngày đầu cuộc chiến chúng tôi cho rằng đây là một cuộc xung đột về bản chất, liên quan tới sự tồn tại của Iran và Israel với Mỹ là quốc gia bảo trợ cho Israel. Vì vậy, cuộc chiến này sẽ khó mà kết thúc trong ngắn hạn.



Và thực tế là cho đến tuần thứ 2 của tháng 7, xung đột đã nổ ra mạnh mẽ trở lại, với giá dầu có phiên tăng điểm mạnh nhất trong nhiều năm trở lại đây, đưa giá dầu tương lai Brent và WTI trở lại vùng 85 USD và 80 USD/thùng. Hiện tại, dự trữ dầu thô của Mỹ đã giảm mạnh và sẽ chạm vùng tối thiểu cho hoạt động (khoảng 300 triệu thùng) trong vài tuần tới, vì vậy có thể sẽ có những đợt giao tranh khốc liệt hơn, đồng thời cũng có những cảnh báo về khả năng đóng cửa cả eo biển Bab el-Mandeb do lực lượng Houthi thân Iran kiểm soát.

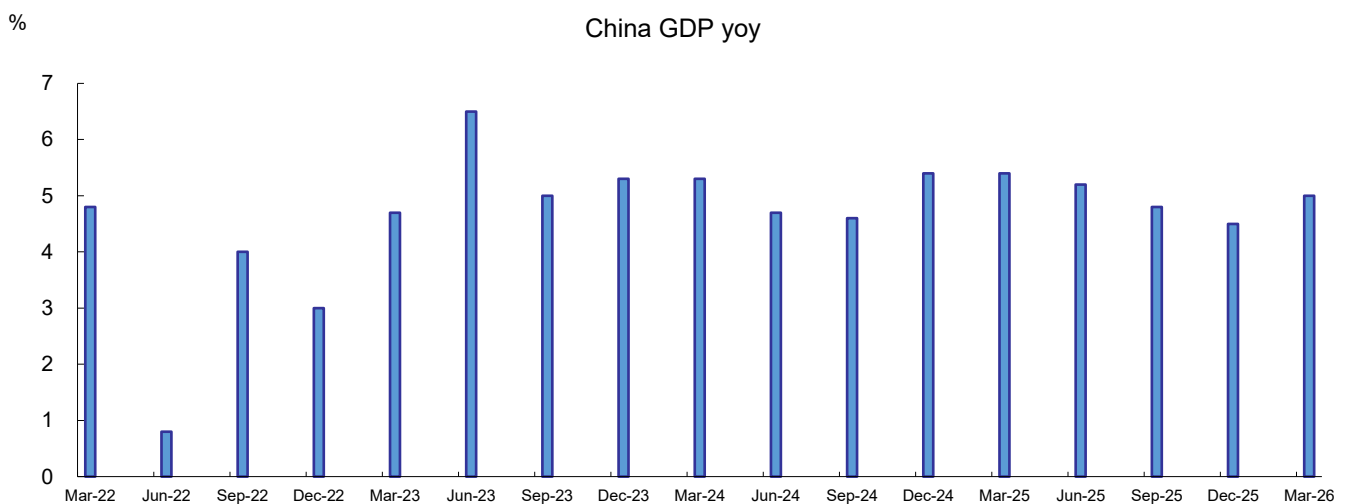
Nếu cả 2 eo biển Hormuz và Bab el-Mandeb đều đóng lại, giá dầu sẽ dễ dàng vượt 100 USD/thùng, thậm chí 150 USD/thùng trong bối cảnh nguồn dự trữ thế giới đã xuống đến mức thấp kỷ lục trong 5 năm trở lại đây.



Source: Jul 06, 2026 Bloomberg, Tradingeconomics.

Kinh tế Trung Quốc trở thành điểm sáng trong một thế giới đầy bất ổn. Chính quyền nước này đã chủ động điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng 2026 xuống mức 4.5 – 5.0% từ mức 5.0% truyền thống, phản ánh việc linh hoạt trong mục tiêu cũng như chú trọng nhiều hơn vào chất lượng tăng trưởng và ổn định xã hội. Tuy nhiên ngay trong quý 1 nước này ghi nhận mức tăng 5.0% so với dự báo 4.8% của các chuyên gia. Mức tăng trưởng này cũng tốt hơn mức tăng 4.5% đạt được quý 4.2025, được thúc đẩy nhờ hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc bùng nổ.

Bên cạnh tăng trưởng ổn định, tỷ lệ thất nghiệp của Trung Quốc gần nhất ghi nhận mức 5.1% vào tháng Sáu, liên tục giảm từ mức 5.4% của tháng Tư cho thấy nước này đang đạt được những thành quả nhất định trong công tác an sinh và đảm bảo ổn định xã hội.



Source: Bloomberg, GTHT Research



Trung Quốc là một trong số ít quốc gia có thể tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong giai đoạn qua. Theo số liệu của PBOC, tính chung tổng lượng bơm ròng qua kênh này trong nửa đầu năm 2026 đạt 300 tỷ nhân dân tệ (khoảng 44.1 tỷ USD). PBOC cho biết việc điều tiết thanh khoản được thực hiện linh hoạt nhằm bảo đảm ổn định hệ thống tài chính, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế trong bối cảnh thị trường tiền tệ và trái phiếu có nhiều biến động.

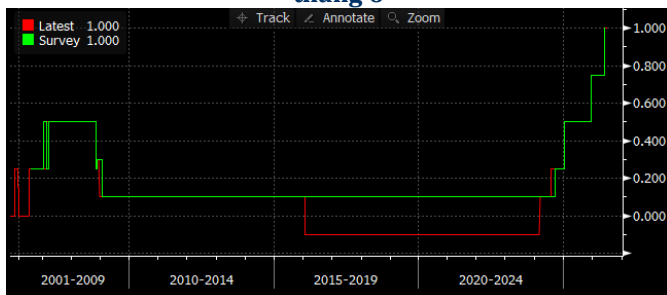
Với chính sách PboC và một số biến động quốc tế gần đây, chỉ số lạm phát CPI của Trung Quốc đã liên tục ghi nhận mức dương, tiến lên vùng 1.0-1.5% cho thấy nước này đã gần như giải quyết được tình trạng giảm phát là một nỗi lo của các chuyên gia sau khi thị trường BĐS Trung Quốc sụt giảm những năm gần đây. Mặc dù vậy, tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định đang giảm trong những tháng gần đây, cùng với sự sụt giảm nhẹ của doanh số bán lẻ vẫn đang đặt ra những thách thức cho nhà điều hành Trung Quốc nhằm lèo lái giữa sương mù của các cuộc giao tranh.

Trái ngược với động thái từ Trung Quốc, Nhật Bản và EU gần đây đã quyết định nâng lãi suất vào tháng Sáu. Đối với BOJ, đây là lần nâng lãi suất lần thứ 5 kể từ khi nước này chấm dứt chính sách lãi suất nới lỏng vào giữa 2024, đồng thời là lần nâng đầu tiên trong năm 2026. Còn đối với ECB, đây là lần nâng lãi suất đầu tiên trong vòng 3 năm trở lại đây.

Động thái nâng lãi suất này diễn ra trong bối cảnh lạm phát đang hoành hoành ở cả 2 nền kinh tế lớn này, đồng thời cả hai cũng chịu tác động nặng nề của việc căng thẳng năng lượng trong thời gian vừa qua đặc biệt là sau xung đột tại Trung Đông.

Dự kiến BOJ sẽ có thể tiếp tục nâng lãi suất trong phần còn lại của 2026 để đối phó vấn đề lạm phát, và có thể sẽ tác động tiêu cực tới các trạng thái đầu cơ lớn trên thị trường trong khi kinh tế Châu Âu tiếp tục đối mặt với khó khăn khi nền kinh tế lớn là Đức liên tục chứng kiến các đợt sa thải của các doanh nghiệp lâu đời.

Nhật Bản nâng lãi suất thêm 0.25% trong kỳ họp tháng 6



Dự báo Kinh tế châu Âu giai đoạn 2026-2028

	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F
Real GDP (YoY, %)	3.60	0.50	1.00	1.40	0.80	1.20	1.50
CPI (YoY, %)	8.36	5.46	2.37	2.13	3.00	2.30	2.00
Unemployment (%)	6.79	6.53	6.35	6.30	6.30	6.20	6.00

Source: Bloomberg, GTHT Research

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Sáu ước tăng 3.5% so với tháng trước và tăng 12.7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12.6% so với cùng kỳ năm trước; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16.6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8.7%; ngành khai khoáng tăng 8.8%.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, IIP ước tăng 10.8% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 (cùng kỳ năm 2025 tăng 8.7%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11.4% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10.5%), đóng góp 8.9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.6% (cùng kỳ năm 2025 tăng 4.1%), đóng góp 0.9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8.9% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10.7%), đóng góp 0.1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5.8% (cùng kỳ năm 2025 giảm 3.5%), đóng góp 0.9 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất 6 tháng đầu năm 2026 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng so với cùng kỳ năm trước, gồm: kim loại tăng 21.5%; xe có động cơ tăng 17.7%; đồ uống tăng 15.4%; phương tiện vận tải khác tăng 15.0%; sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 14.9%; hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 14.8%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13.9%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 12.6%; sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11.8%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 11.5%; chế biến thực phẩm tăng 11.1%; sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10.9%.

Tốc độ tăng trưởng IIP 6 tháng của một số lĩnh vực giai đoạn 2022-2026

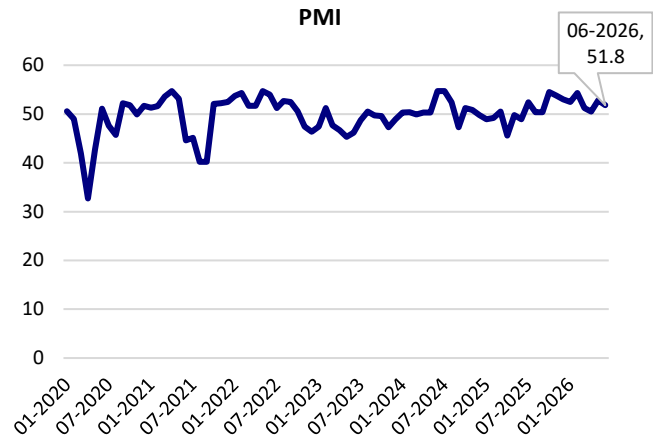
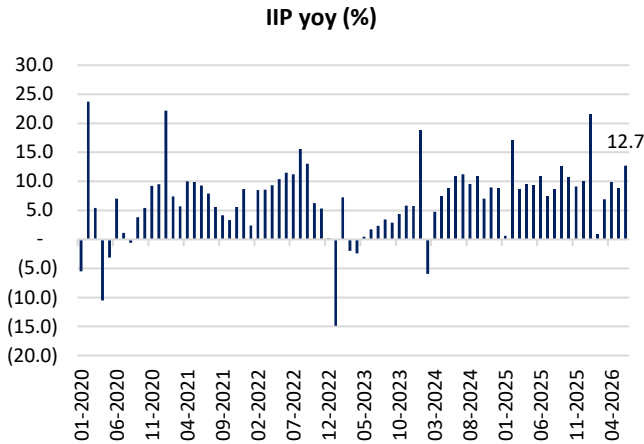
<i>Ngành sản xuất</i>	<i>2022</i>	<i>2023</i>	<i>2024</i>	<i>2025</i>	<i>2026</i>
Khai thác than cứng và than non	10.3	-2.8	-0.8	3.7	-5.7
Sản xuất chế biến thực phẩm	6.4	4.0	6.3	10.1	11.1
Sản xuất đồ uống	14.2	4.7	0.5	1.4	15.4
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	13.3	-2.5	8.6	16.4	4.0
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	8.2	-6.9	12.2	10.8	11.5
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	3.3	3.3	18.8	6.9	14.8
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	-9.0	7.1	29.2	17.0	11.8
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	5.4	-5.0	-2.7	13.5	14.9
Sản xuất kim loại	1.9	-4.5	12.9	9.7	21.5
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	9.7	3.7	12.9	10.8	13.9
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	11.5	-4.5	10.3	8.4	10.9
Sản xuất xe có động cơ	0.3	-6.2	3.6	32.0	17.7
Sản xuất phương tiện vận tải khác	-1.1	-4.5	-2.9	15.0	15.0
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	4.1	-2.4	19.8	11.4	12.6

Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHS RS team

PMI trong tháng 6 đạt 51.8 điểm

Theo báo cáo của S&P Global, tăng trưởng ngành sản xuất của Việt Nam được duy trì tích cực trong tháng 6, số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng và áp lực lạm phát giảm bớt. Khảo sát của S&P Global cho thấy số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng trong tháng 6. Sản lượng tăng tháng thứ 14 liên tiếp và tốc độ tăng là đáng kể và nhanh nhất kể từ tháng 2/2026.

Mặc dù vậy, hoạt động sản xuất vẫn gặp một số thách thức do ảnh hưởng gián đoạn chuỗi cung ứng khiến tình trạng khan hiếm nguồn cung nguyên vật liệu kéo dài và chi phí vận tải tăng. Việc PMI giảm dần trong những tháng gần đây cũng là một dấu hiệu đáng chú ý.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, S&P Global, GTHT RS team

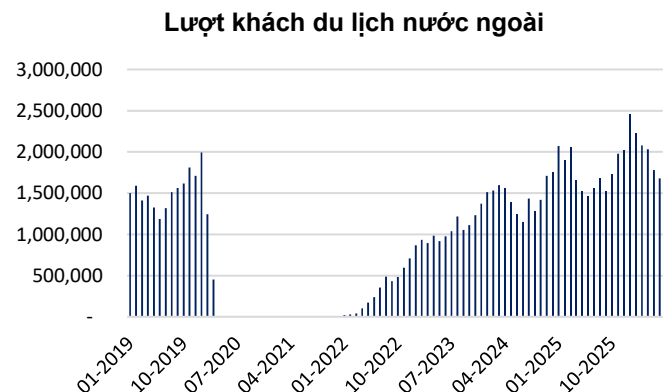
Doanh số bán lẻ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Sáu ước đạt 665.6 nghìn tỷ đồng, tăng 1.1% so với tháng trước và tăng 14.8% so với cùng kỳ năm trước; quý II/2026 ước đạt 1,977.6 nghìn tỷ đồng, tăng 3.4% so với quý trước và tăng 13.9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3,889.5 nghìn tỷ đồng, tăng 12.9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.3% (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,4%).

Khách quốc tế đến Việt Nam tháng Sáu đạt 1.68 triệu lượt người, giảm 5.7% so với tháng trước và tăng 14.7% so với cùng kỳ năm trước, quý II năm 2026 ước đạt 5.49 triệu lượt khách, tăng 18.2%. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, khách quốc tế đến Việt Nam đạt gần 12.3 triệu lượt người, tăng 14.9% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm khách du lịch từ Trung Quốc trong tháng Sáu tăng 9.1% so với cùng kỳ 2025, trong khi nhóm khách Hàn Quốc giảm 22%. Tính trong 6 tháng, 2 nhóm này đều giảm lần lượt 1.1% và 2.1%. Đây là hai nhóm khách du lịch chính, đóng góp khoảng 40% tổng khách du lịch nước ngoài và việc tốc độ tăng trưởng nhóm khách này sụt giảm đã làm chậm lại các cơ hội của ngành du lịch Việt Nam.

Rất may là khách du lịch từ Liên bang Nga đã liên tục tăng trưởng mạnh mẽ gần đây với trung bình 6 tháng tăng 186%, giúp du lịch vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ.



Nguồn Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

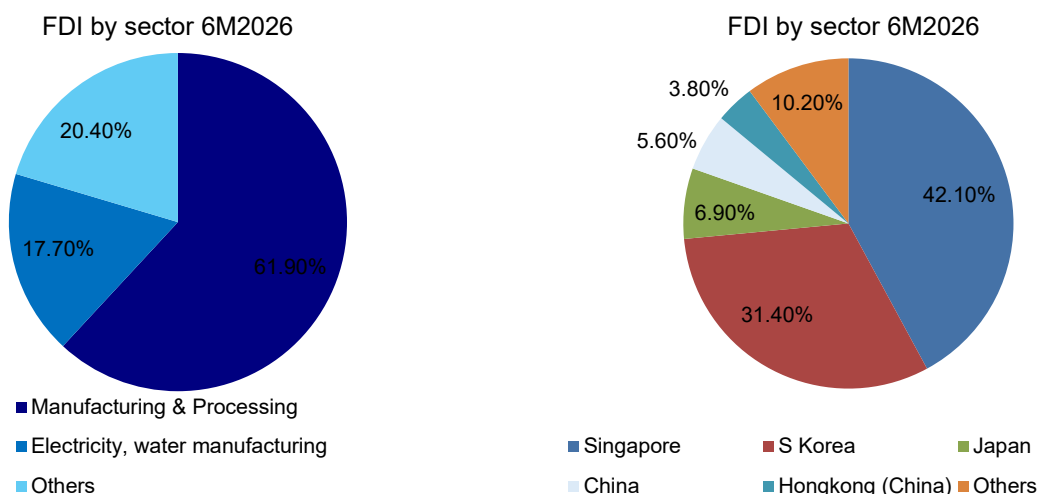
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Tính đến ngày 30/6/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 2,013 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17.39 tỷ USD, tăng 1.3% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 87.2% về số vốn đăng ký.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 10.76 tỷ USD, chiếm 61.9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3.08 tỷ USD, chiếm 17,7%; các ngành còn lại đạt 3.55 tỷ USD, chiếm 20.4%.

Trong số 63 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 7.31 tỷ USD, chiếm 42.1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 5.45 tỷ USD, chiếm 31.4%; Nhật Bản 1.2 tỷ USD, chiếm 6.9%; Trung Quốc 977 triệu USD, chiếm 5.6%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) 665.6 triệu USD, chiếm 3.8%; Hà Lan 420.4 triệu USD, chiếm 2.4%.

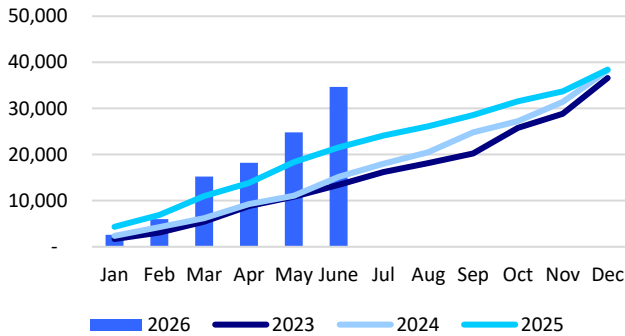


Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

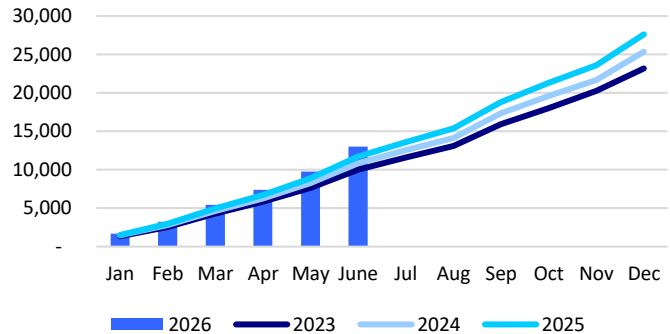
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 13.03 tỷ USD, tăng 11.2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 10.76 tỷ USD, chiếm 82.6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 965.2 triệu USD, chiếm 7.4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 479.2 triệu USD, chiếm 3.7%.



Lũy kế FDI đăng ký hàng năm (triệu USD)



Lũy kế FDI giải ngân hàng năm (triệu USD)

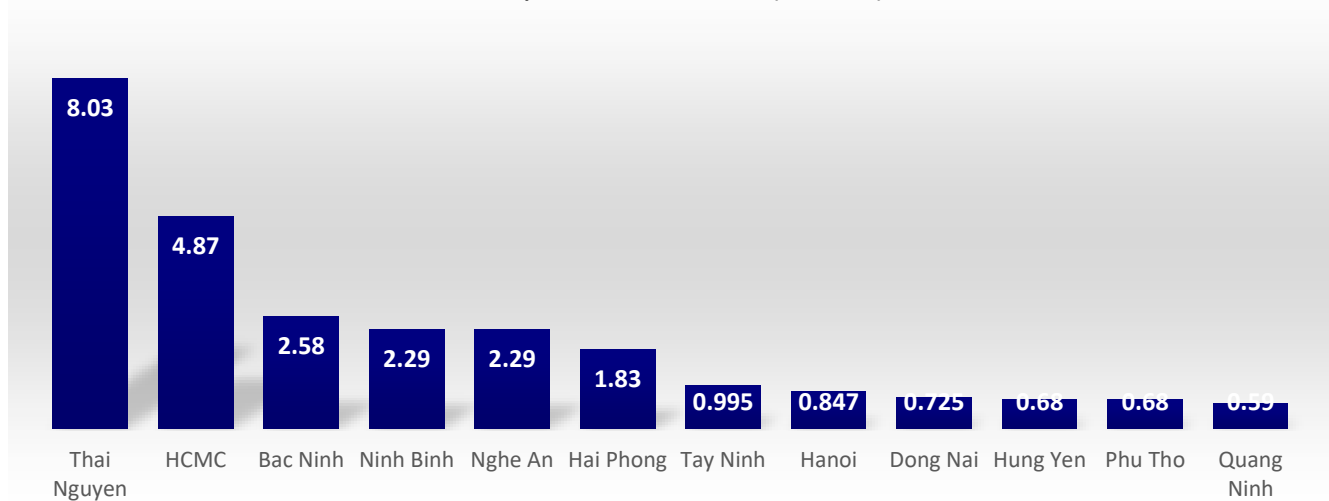


Nguồn: Bộ KHĐT, GTHT RS team

Một số dự án quy mô lớn có yếu tố đầu tư nước ngoài được chấp thuận hoặc điều chỉnh trong nửa đầu năm, trong đó có **Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, với tổng vốn đầu tư gần 5 tỷ USD**; **Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quỳnh Lập** tại Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn hơn **2.2 tỷ USD**; **Khu phức hợp thông minh** tại Khu chức năng số 2A, Khu đô thị mới Thủ Thiêm, do Lotte triển khai, bổ sung khoảng **1.2 tỷ USD**.

Trong lĩnh vực công nghệ, Hải Phòng đã ký biên bản ghi nhớ với LG Innotek và cam kết hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ thủ tục để sớm triển khai dự án mới. Theo đó, LG Innotek sẽ mở rộng nhà máy nền bán dẫn tại địa phương, dự kiến khởi công trong tháng 7/2026 và hoàn thành vào tháng 5/2027; Intel tiếp tục củng cố vai trò của nhà máy lắp ráp và kiểm định chip tại TP.HCM với tổng mức cam kết đầu tư tại Việt Nam lên tới 4.1 tỷ USD, trong khi khoản đầu tư chính thức được xác nhận trước đó là 1.5 tỷ USD.

FDI by location 6M2026 (bn USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2026:

- Xuất khẩu hàng hóa:** Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Sáu đạt 50.79 tỷ USD, tăng 8.2% so với tháng trước và tăng 28.1% so với cùng kỳ năm trước.



- **Nhập khẩu hàng hóa:** Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Sáu đạt 53.43 tỷ USD, tăng 2.5% so với tháng trước và tăng 45,2% so với cùng kỳ năm trước.
- **Cán cân thương mại hàng hóa** tháng Sáu nhập siêu 2.64 tỷ USD.

Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa nửa đầu năm 2026:

Xuất khẩu

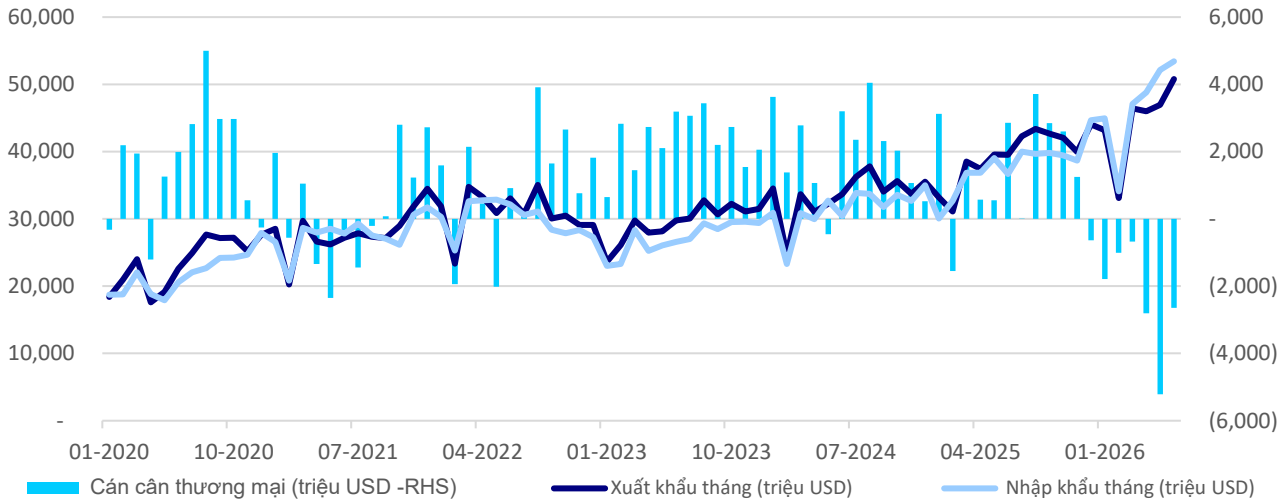
- Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266.52 tỷ USD, tăng 21.0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 53.51 tỷ USD, tăng 4.6%, chiếm 20.1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 213.01 tỷ USD, tăng 26.0%, chiếm 79.9%.
- Về nhóm mặt hàng, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất đạt 71.1 tỷ USD, tăng 49.1% YoY. Các mặt hàng đứng sau lần lượt là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 33.2 tỷ USD, tăng 23.6% YoY; điện thoại và linh kiện đạt 31.6 tỷ USD, tăng 17.8% YoY.

Nhập khẩu

- Tính chung sáu tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 283.17 tỷ USD, tăng 33.4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78.46 tỷ USD, tăng 24.3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 204.71 tỷ USD, tăng 37.3%.
- Về cơ cấu nhóm hàng, hàng tư liệu sản xuất đạt 266.4 tỷ USD, chiếm 94.1%, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 56%; nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 38.1%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 16.77 tỷ USD, chiếm 5.9%. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất, kim ngạch đạt 110 tỷ USD, tăng tới 62% so với cùng kỳ năm trước. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là mặt hàng đứng sau với kim ngạch đạt 34.3 tỷ USD, tăng 22.9% YoY.

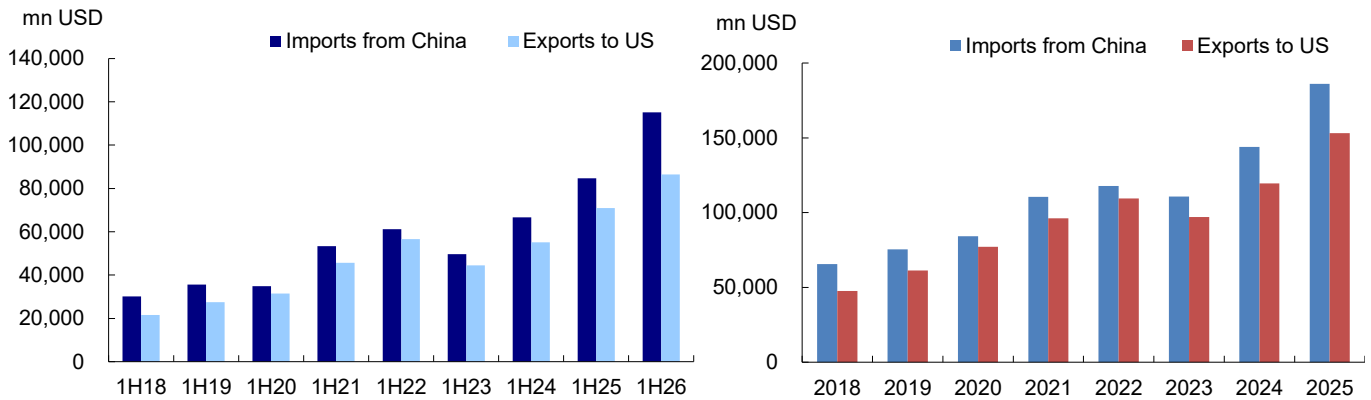
Cán cân thương mại hàng hóa ước nhập siêu 16.65 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 7.95 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 24.95 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8.3 tỷ USD.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa sáu tháng đầu năm 2026, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 86.5 tỷ USD, +39.5%yoy. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 115.2 tỷ USD, +36%yoy.



Nguồn: Hải quan Việt Nam, Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Xuất nhập khẩu Việt Nam với các đối tác lớn giai đoạn 2018-2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

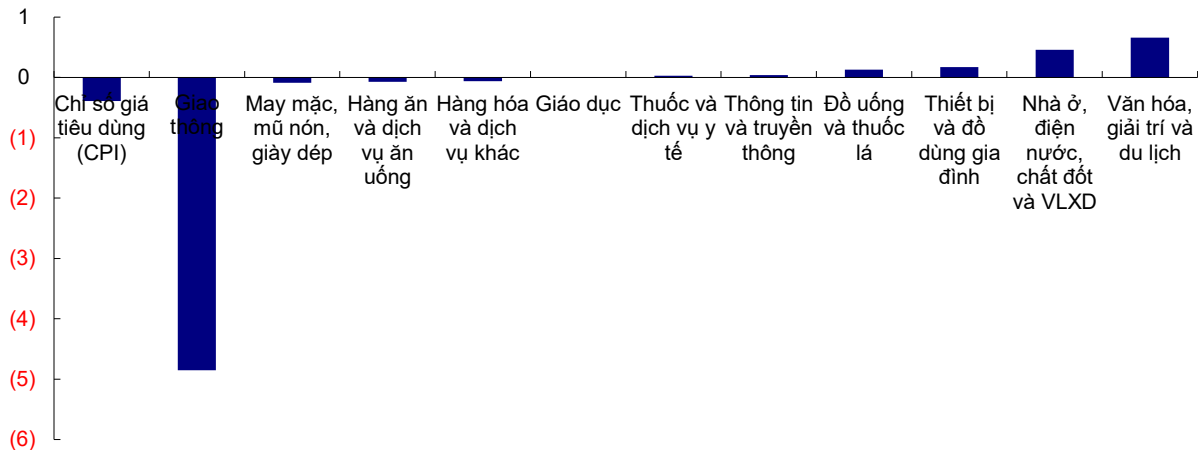
Lạm phát

Sau những áp lực gia tăng liên tục trong giai đoạn đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 đã quay đầu giảm 0.39% so với tháng trước.; CPI tăng 3.21% so với tháng 12/2024 và tăng 4.69% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4.38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4.12%.



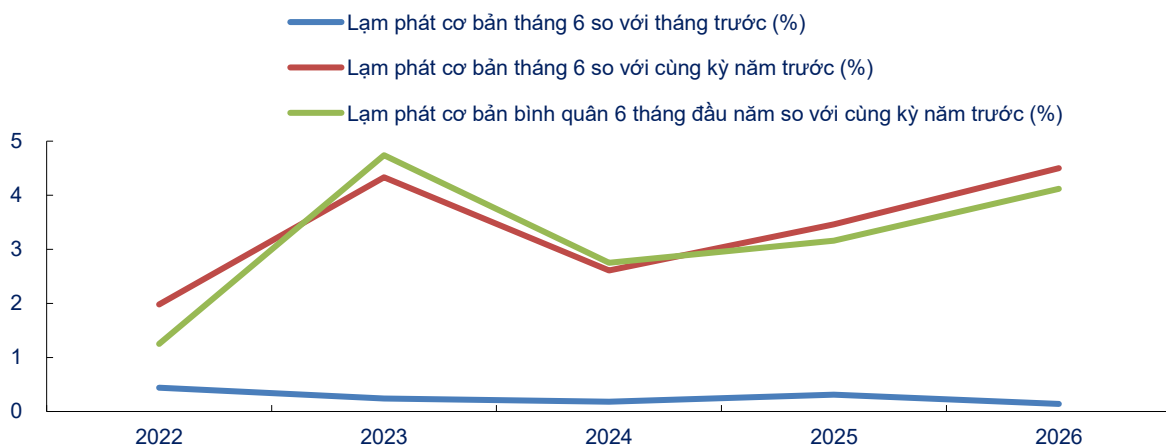
Title

Tốc độ tăng, giảm CPI tháng sáu so với tháng trước (%)



Title

Lạm phát cơ bản tháng 6 và 6 tháng đầu năm từ năm 2022 đến năm 2026

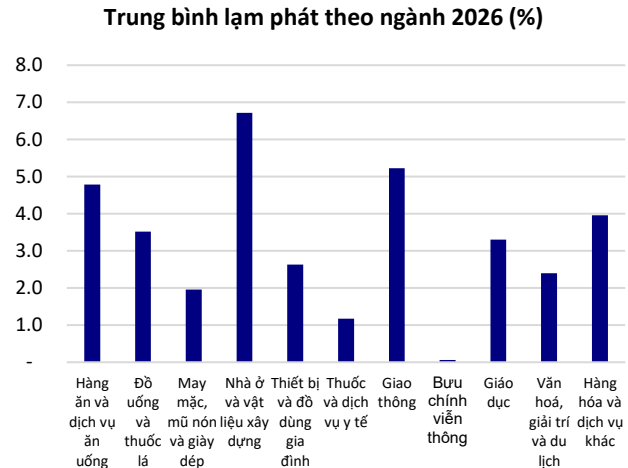
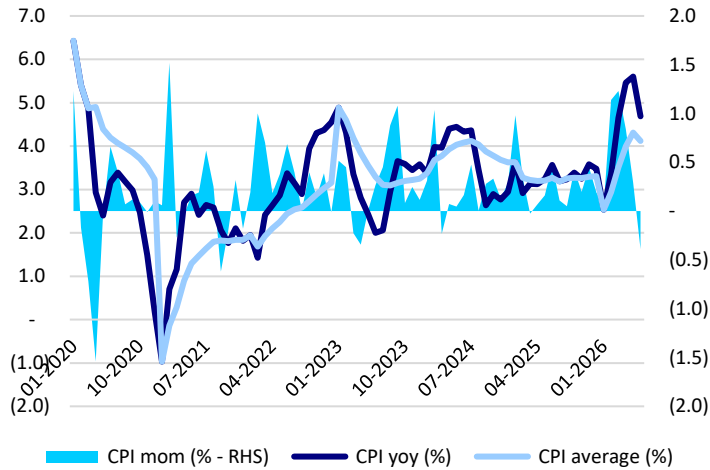


Nguồn: Tổng cục Thống kê, GTHT RS team

Theo Cục Thống kê chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 giảm 0,39% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới. Dù vậy, có thể thấy dù giá nhiên liệu giảm, nhiều nhóm hàng hóa vẫn mang tính chất “sticky price” khi giá vẫn còn neo ở mức cao.

Ngoài ra, vẫn có những áp lực nhất định với lạm phát nếu xét trên khía cạnh chính sách, giá nguyên vật liệu xây dựng, nhóm nhà ở tăng do chênh lệch cung cầu, hay yếu tố mùa vụ cuối năm có thể đẩy giá hàng hóa tăng cao. Một khía cạnh khác đó là rủi ro thiên tai có thể ảnh hưởng đến hiệu quả mùa vụ và tác động đến nhóm ngành lương thực.

Hiện tại chúng tôi duy trì đánh giá lạm phát 2026 ở trong mức 4.5-5%, tương đồng với kịch bản lạm phát xây dựng bởi Ban Thống kê dịch vụ và giá, và sẽ cập nhật lại dự báo theo các biến động mới trên thị trường hàng hóa, dịch vụ cũng như động thái của cơ quan quản lý.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GHTT RS team

Lãi suất và tỷ giá

Tính đến ngày 26/6/2026, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tăng 7.41%ytd, huy động tăng 5.02%ytd. Nền lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm tại hệ thống ngân hàng đã đạt mức trên 8%, thậm chí lãi suất tại một số ngân hàng TMCP quy mô vừa và nhỏ ghi nhận tiệm cận ngưỡng 9% vào những ngày đầu tháng 7.

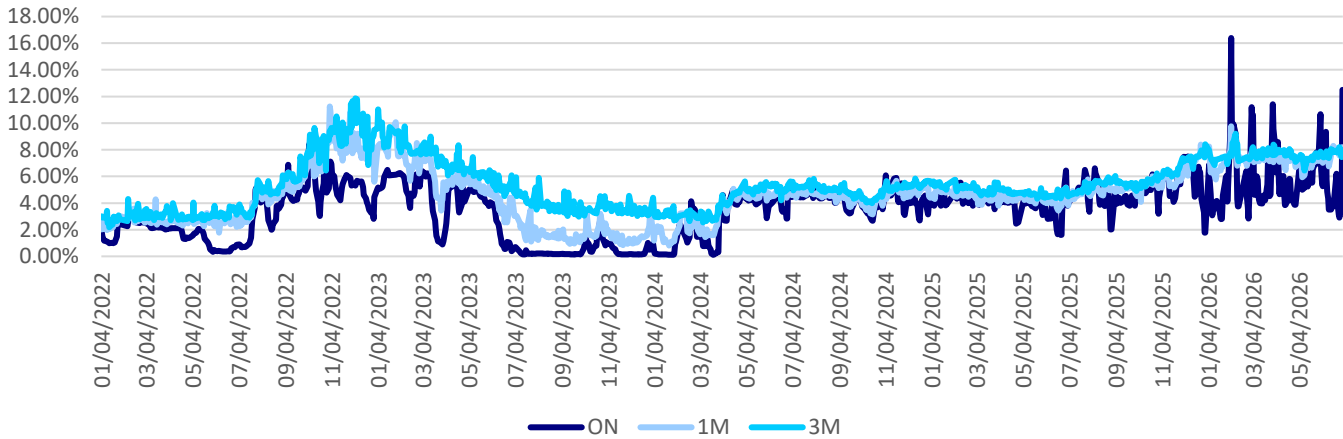
Xu hướng lãi suất tăng cao phản ánh đúng tương quan cung cầu khi nhu cầu tín dụng tăng cao trong giai đoạn kinh tế cần vốn tăng trưởng. Mặt khác, điều này cũng phần nào phản ánh tính cấu trúc khi tín dụng tăng nhanh hơn huy động như các báo cáo trước chúng tôi có đề cập.

Dù phía SBV đã có nhiều giải pháp xoa dịu hệ thống, chúng tôi cho rằng mức độ bất cân xứng có thể được xoa dịu phần nào nhưng khó có thể hoàn toàn được giải quyết trong ngắn hạn. Tại thời điểm cuối tháng 6, lãi suất liên ngân hàng cũng đã có nhiều thời điểm tăng vọt lên khoảng 20% với kỳ hạn ngắn, cho thấy sự biến động thiếu ổn định của cung nguồn đặc biệt ở những thời điểm chốt báo cáo.

Bên cạnh đó, vấn đề chênh lệch giữa tăng trưởng huy động vốn thấp hơn tăng trưởng tín dụng ít nhất từ 2023 (mỗi năm chênh lệch khoảng 3-5%) là một vấn đề dai dẳng của hệ thống tài chính Việt Nam và bắt đầu phản ánh vào lãi suất từ Q3.2025 khi các bộ đệm thanh khoản cạn kiệt. Vì vậy, giải pháp cho vấn đề này nhiều khả năng không thể đạt được trong ngắn hạn, qua đó đòi hỏi NHNN phải hết sức khéo léo để vừa đảm bảo ổn định vĩ mô vừa điều tiết để xử lý các vấn đề này. Việc lãnh đạo NHNN tái khẳng định mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% trong khi thông lệ tăng trưởng tín dụng khoảng x2 tăng trưởng GDP mục tiêu (tức là khoảng 20% cho năm nay) cho thấy những động thái ban đầu của quyết tâm xử lý này.



Diễn biến lãi suất Vibor



Nguồn: Bloomberg Terminal, GTHT RS team

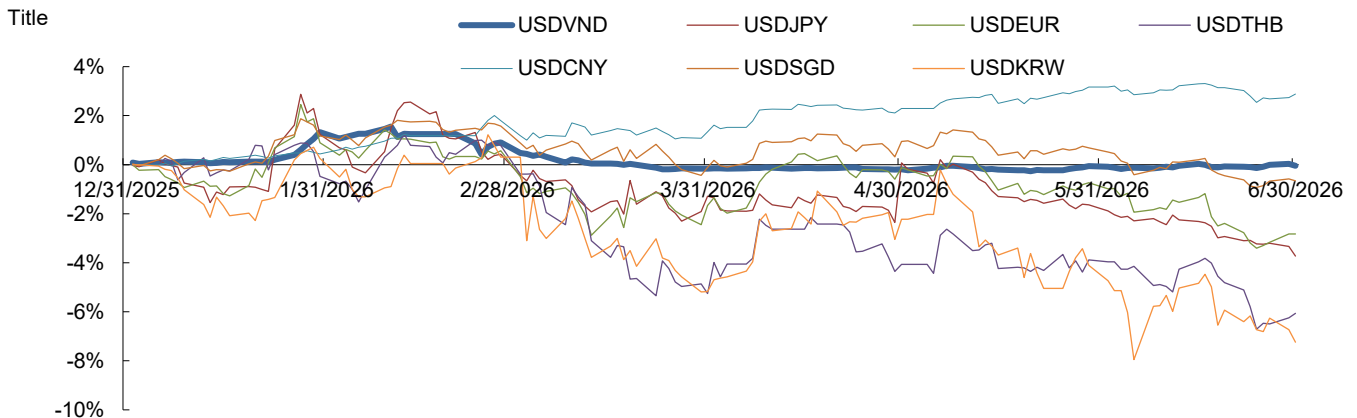
Tỷ giá

Mặc dù đối diện nhiều thách thức trong nửa đầu năm trong bối cảnh khối ngoại tiếp tục rút ròng mạnh trên thị trường chứng khoán (3 tỷ USD) cùng nhập siêu đạt mức kỷ lục, VND duy trì được độ ổn định trong nửa đầu năm, đặc biệt khi so sánh với nhiều đồng ngoại tệ khác. Nguồn ngoại tệ lớn đến từ giải ngân FDI (tăng 11.2% so với cùng kỳ 2025), đồng thời từ hoạt động cho vay USD (tăng khoảng 40% so với cùng kỳ 2025) là những yếu tố hỗ trợ tỷ giá trong năm nay.

Bên cạnh đó lãi suất VND lên cao cũng làm giảm các hoạt động nắm giữ USD đầu cơ, giúp ổn định nhu cầu trên thị trường.

Tính đến ngày 30/6/2026, tỷ giá tự do bình quân giao dịch quanh 26,310, tương đương mức đầu năm. Theo một số báo cáo, dự trữ ngoại hối hiện tại đạt khoảng gần 80 tỷ USD bằng đồng ngoại tệ này, ngoài ra là các nguồn dự trữ đặc biệt khác. Con số này là khá thấp so với thông lệ 3 tháng nhập khẩu được các tổ chức quốc tế khuyến cáo, cho thấy khả năng can thiệp của NHNN hiện giờ không còn mạnh mẽ như vào giai đoạn áp lực 2022 trong khi một số điều kiện tương tự đang lặp lại.

Diễn biến Vietnamdong so với một số đồng ngoại tệ trong 1H2026



Nguồn: Bloomberg Terminal, GTHT RS team

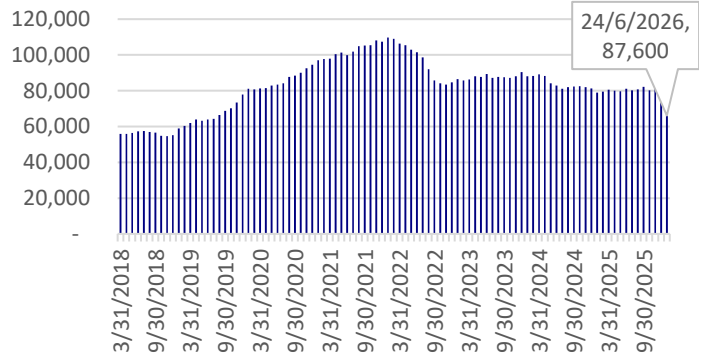


Hiện tại chúng tôi vẫn duy trì dự đoán VND mất giá khoảng 3-5%, đến từ áp lực lạm phát gia tăng, nhu cầu nhập siêu lớn cũng như nguồn cung trong giai đoạn cuối năm giảm sút do phải trả nợ các khoản vay ngoại tệ đầu năm. Bên cạnh đó, USD đang gia tăng trên thị trường quốc tế cũng là một yếu tố gây áp lực lên tỷ giá VND.

Diễn biến VND từ đầu năm 2025



Dự trữ ngoại hối Việt Nam (triệu USD)



Nguồn: Bloomberg Terminal, IMF, SBV, GTHT RS team

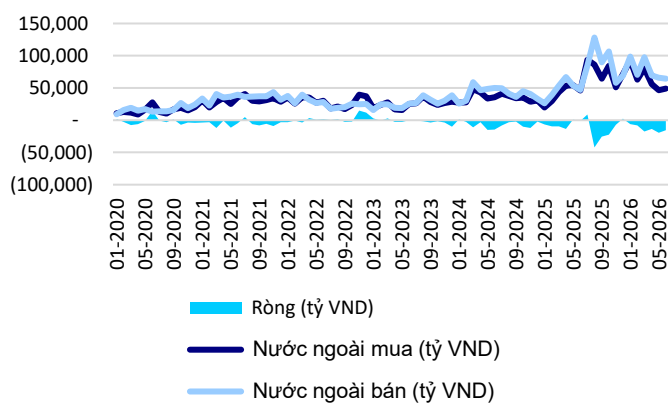
Thị trường chứng khoán

Trong nửa đầu năm 2026, TTCKVN đón nhận nhiều thông tin tích cực. Theo báo cáo của UBCKNN, trong 6 tháng đầu năm, thị trường ghi nhận diễn biến tích cực với các chỉ số duy trì xu hướng tăng, quy mô vốn hóa tiếp tục mở rộng. Đến cuối tháng 6/2026, vốn hóa thị trường cổ phiếu trên HOSE, HNX và UPCoM đạt hơn 10.57 triệu tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2025, tương đương 82.3% GDP ước tính năm 2025. Thanh khoản duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch bình quân đạt gần 29,300 tỷ đồng/phiên. Đến cuối tháng 5/2026, số lượng tài khoản chứng khoán đạt 13.16 triệu tài khoản, tăng gần 11% so với cuối năm trước, tương đương khoảng 13% dân số.

Kỳ vọng diễn biến nửa cuối năm, thị trường dự kiến tích cực khi các cổ phiếu Việt Nam sẽ chính thức lọt rổ chỉ số FTSE Emerging vào tháng 9/2026.

Về dài hạn, triển vọng TTCKVN được đánh giá tích cực, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước. Hiện UBCKNN cũng đang nghiên cứu nhiều giải pháp/ sản phẩm (hệ thống CCP, cơ chế STP, sửa đổi Luật Chứng khoán, etc) nhằm góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch và hiệu quả hơn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Giao dịch nhà đầu tư ngoại



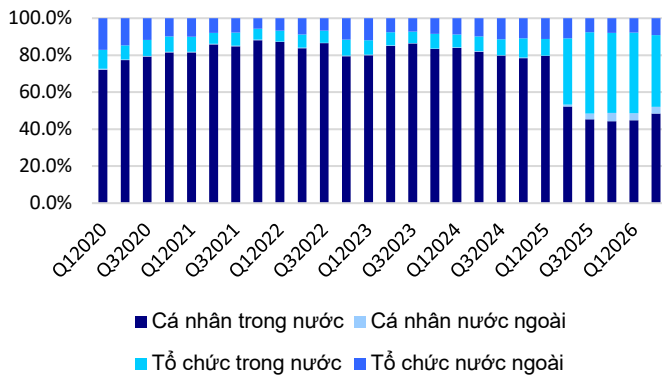
Chỉ số VNIndex



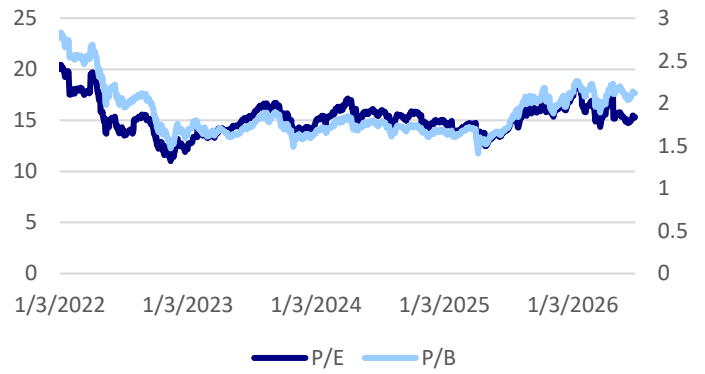
Nguồn: Bloomberg, Sở CK Hồ Chí Minh, GTHT RS team



Giao dịch theo NĐT



Định giá Vnindex



Nguồn: Bloomberg Terminal, FiinPro, GTHT RS team

Phụ lục: Tổng hợp số lượng, chi tiết các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế 1H2026

STT	Trụ cột	Loại văn bản	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
1	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	01/NQ-CP	08/01/2026	Chính phủ
2	Môi trường kinh doanh	Nghị quyết	02/NQ-CP	08/01/2026	Chính phủ
3	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	23/NQ-CP	07/02/2026	Chính phủ
4	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	36/NQ-CP	06/03/2026	Chính phủ
5	Tài khóa - ngân sách	Nghị định	73/2026/NĐ-CP	10/03/2026	Chính phủ
6	Quản lý thuế	Thông tư	20/2026/TT-BTC	12/03/2026	Bộ Tài chính
7	Tài khóa - ngân sách	Quyết định	495/QĐ-BTC	18/03/2026	Bộ Tài chính
8	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	55/NQ-CP	19/03/2026	Chính phủ
9	Tài khóa - ngân sách	Thông tư	26/2026/TT-BTC	25/03/2026	Bộ Tài chính
10	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	89/NQ-CP	05/04/2026	Chính phủ
11	Môi trường kinh doanh	Nghị quyết	66.16/2026/NQ-CP	07/04/2026	Chính phủ
12	Kế hoạch 2026-2030	Nghị quyết	109/NQ-CP	16/04/2026	Chính phủ
13	Kế hoạch 2026-2030	Nghị quyết	25/2026/QH16	24/04/2026	Quốc hội
14	Kế hoạch 2026-2030	Nghị quyết	26/2026/QH16	24/04/2026	Quốc hội
15	Kế hoạch 2026-2030	Nghị quyết	27/2026/QH16	24/04/2026	Quốc hội
16	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	122/NQ-CP	06/05/2026	Chính phủ
17	Môi trường kinh doanh	Nghị quyết	66.17/2026/NQ-CP	15/05/2026	Chính phủ
18	Chính sách tiền tệ	Thông tư	08/2026/TT-NHNN	15/05/2026	Ngân hàng Nhà nước
19	Môi trường kinh doanh	Nghị quyết	66.18/2026/NQ-CP	18/05/2026	Chính phủ
20	Tài khóa - ngân sách	Nghị quyết	135/NQ-CP	22/05/2026	Chính phủ
21	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	148/NQ-CP	06/06/2026	Chính phủ
22	Chính sách tiền tệ	Thông tư	25/2026/TT-NHNN	22/06/2026	Ngân hàng Nhà nước
23	Điều hành vĩ mô hằng năm	Nghị quyết	168/NQ-CP	27/06/2026	Chính phủ
24	Kế hoạch tăng trưởng kinh tế theo địa phương giai đoạn 2026-2030	Nghị quyết	169/NQ-CP	27/06/2026	Chính phủ
25	Hỗ trợ tài khóa ngắn hạn	Nghị định	245/2026/NĐ-CP	27/06/2026	Chính phủ

Nguồn: Bộ Tài chính, SBV, GTHT RS team

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Haitong Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Haitong Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI HAITONG VIETNAM RESEARCH DEPARTMENT

Nguyễn Kỳ Minh

Chief Economist

minhmk@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073- ext:706

Trần Thị Hồng Nhung

Director

nhungtth@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:703

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Charmvit Tower	Tầng 3, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696